

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2158/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào
Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030
của bộ, ngành và địa phương**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững;


Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 của bộ, ngành và địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ghi chú: Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định này được đăng tại Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đường link: <http://vbqtpl.mpi.gov.vn/Pages/cddh.aspx?itemId=3399e3e4-bc0c-4663-a0b5-daf65094eb11&list=documentDetail>

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, điều chỉnh. 

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia;
- Liên hiệp các Hội KH&KT Việt Nam;
- Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam;
- Tổng thư ký Hội đồng quốc gia về PTBV và NCNLCT;
- Vụ THKTQD;
- Lưu: VT, KHGDTN&MT

N110



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

HƯỚNG DẪN

Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 của Bộ, ngành và địa phương

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

1. Quy định chung

1.1. Hướng dẫn này quy định các nội dung về thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững được xác định trong Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là KHHĐQG 2030) vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch phát triển KT-XH) của bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1.2. Hướng dẫn này áp dụng đối với các bộ, ngành được giao chủ trì thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tại KHHĐQG 2030 và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (sau đây gọi tắt là Các mục tiêu PTBV) được hiểu là 17 mục tiêu chung và 115 mục tiêu cụ thể được xác định trong KHHĐQG 2030.

2. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 của bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

2.1. Yêu cầu lồng ghép

a. Yêu cầu lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH cần được quy định trong các văn bản hướng dẫn chính thức về lập Kế hoạch phát triển KT-XH.

b. Quá trình lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH phải được tiến hành đồng thời với quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH của bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV phải đảm bảo phù hợp với quan điểm của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và điều kiện đặc thù của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

c. Lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH được thực hiện trên nguyên tắc lấy con người làm trung tâm; phát huy tối đa nhân tố con người; phấn đấu “Không ai bị bỏ lại phía sau”; chú ý đến các vấn đề xuyên suốt như bình đẳng giới, dân tộc thiểu số, trẻ em và các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

d. Các bộ, ngành và địa phương phải coi nhiệm vụ lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH là nhiệm vụ chung của toàn hệ thống, không chỉ là trách nhiệm riêng của cơ quan đầu mối. Phải đảm bảo thu hút được sự tham gia tích cực của các bên liên quan, bảo đảm tính dân chủ, sự đồng thuận của cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

đ. Các mục tiêu PTBV được lồng ghép phải mang tính đồng bộ, liên ngành, liên vùng, đảm bảo sự phù hợp giữa yêu cầu trước mắt với lợi ích lâu dài, có các ưu tiên cụ thể, nhưng vẫn có thể điều chỉnh để phù hợp với tình hình, hoàn cảnh mới.

e. Việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV phải được thực hiện dựa trên các kết quả phân tích, đánh giá các đặc điểm, hiện trạng, diễn biến và dự báo phát triển KT-XH của bộ, ngành và địa phương, đặc biệt chú ý đến các vấn đề về tăng trưởng, giảm nghèo, tăng cường bình đẳng và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi cả nước và ở mỗi địa phương.

2.2. Các bước thực hiện lồng ghép

a. Bước 1: Chuẩn bị

Mục đích của bước này là chuẩn bị các điều kiện trước khi bắt đầu quá trình lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

Các nội dung chính cần triển khai là:

(i) Đưa yêu cầu lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH trong các văn bản hướng dẫn chính thức về lập Kế hoạch phát triển KT-XH.

Đối với nhiệm vụ này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH (giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030), trong đó giao trách nhiệm cho các bộ, ngành và địa phương về việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

Ở cấp bộ, ngành và địa phương: Trên cơ sở Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành trong đó cần giao rõ trách nhiệm lồng ghép Các

mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH của bộ, ngành và địa phương mình.

(ii) Hình thành nhóm công tác liên ngành

Nhóm công tác liên ngành có nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

Khuyến khích việc hình thành nhóm công tác liên ngành tùy thuộc vào yêu cầu, điều kiện cụ thể của từng bộ, ngành và từng địa phương.

Trong quá trình triển khai công việc, nhóm công tác liên ngành cần huy động sự tham gia tích cực và hiệu quả của các bên liên quan, bảo đảm tính dân chủ, sự đồng thuận của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp trong việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

b. Bước 2: Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Các mục tiêu PTBV trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước

Mục đích chính của bước này là xác định thực trạng PTBV gắn liền với thực trạng kinh tế-xã hội cùng thời kỳ; nhận dạng một cách đầy đủ và chính xác tình hình thực hiện PTBV ở phạm vi của bộ, ngành, địa phương.

Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Các mục tiêu PTBV là việc đánh giá kết quả đạt được, phân tích tồn tại, hạn chế và xác định các nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong thực hiện Các mục tiêu PTBV gắn với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước.

Kết quả đánh giá và phân tích tình hình thực hiện Các mục tiêu PTBV đầu kỳ Kế hoạch cung cấp cái nhìn rõ hơn về tình hình phát triển của từng ngành, lĩnh vực, từng địa phương, cung cấp các căn cứ quan trọng cho việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH kỳ tiếp theo.

Các nội dung chính cần triển khai:

(i) Lựa chọn phương pháp đánh giá

Việc phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Các mục tiêu PTBV trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước cần chú ý sử dụng công cụ đánh giá “dựa trên kết quả” vào quá trình phân tích, đánh giá mức độ hoàn thành của Các mục tiêu PTBV. Việc áp dụng các công cụ đánh giá dựa trên kết quả sẽ cho phép làm rõ các kết quả và tác động mà việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã mang lại.

(ii) Thu thập thông tin, số liệu và tiến hành đánh giá

Các mục tiêu PTBV và Bộ chỉ tiêu PTBV của Việt Nam (ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chính là cơ sở để các bộ, ngành, địa phương lựa chọn các mục tiêu và chỉ tiêu phù hợp

để thu thập các thông tin, số liệu nhằm đánh giá việc thực hiện Các mục tiêu PTBV.

Đối với các bộ, ngành, việc đánh giá mức độ hoàn thành Các mục tiêu PTBV tại các mốc thời gian 2020, 2025 và 2030 căn cứ theo Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2030.

Việc lựa chọn các nội dung để đánh giá kết quả thực hiện Các mục tiêu PTBV trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước có thể tham khảo tại **Phụ đính I** ban hành kèm theo.

(iii) Rà soát, đối chiếu giữa Các mục tiêu PTBV và các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước

Mục đích là xác định xem Các mục tiêu PTBV đã được phản ánh trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước ở mức độ nào, thông qua việc rà soát và đối chiếu Các mục tiêu PTBV với các nội dung có liên quan trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước.

Việc rà soát, đối chiếu được thực hiện nhằm: (i) Nhận diện Các mục tiêu PTBV đã được phản ánh trong Kế hoạch phát triển KT-XH (*đã phản ánh*); (ii) Nhận diện Các mục tiêu PTBV chưa được phản ánh trong Kế hoạch phát triển KT-XH (*chưa phản ánh*).

Trên cơ sở rà soát, đối chiếu, đề xuất Các mục tiêu PTBV cần được đưa vào Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn tiếp theo, trong đó cần dựa trên nguyên tắc sau:

- Trong trường hợp Các mục tiêu PTBV đã được phản ánh ở các mục tiêu/chỉ tiêu/nhiệm vụ/giải pháp trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước, các nội dung này cần được duy trì trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn tiếp theo.

- Đối với Các mục tiêu PTBV chưa được phản ánh trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước, Các mục tiêu PTBV này sẽ được sử dụng như là một danh mục và dựa trên cơ sở đó, thực hiện việc đánh giá, phân tích để lựa chọn các mục tiêu phù hợp bổ sung vào Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn tiếp theo.

Phụ đính II ban hành kèm theo trình bày cách thức rà soát, đối chiếu giữa Các mục tiêu PTBV và các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước.

c. Bước 3: Lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch phát triển KT-XH

Dựa trên các thông tin được xác định ở Bước 2 về mức độ phản ánh Các mục tiêu PTBV trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước, cần lựa chọn và đề xuất Các mục tiêu PTBV để lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH giai

đoạn tiếp theo. Việc lựa chọn và đề xuất Các mục tiêu PTBV để lồng ghép dựa trên các tiêu chí sau:

- Ưu tiên các mục tiêu đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người như xóa nghèo đói, đảm bảo an ninh lương thực, y tế, dinh dưỡng, nước sạch và vệ sinh, giáo dục, bảo trợ xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, các mục tiêu phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch theo hướng xanh hóa.

- Ưu tiên các mục tiêu phù hợp với các “đột phá chiến lược” đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2030; phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Quy hoạch chung của ngành, địa phương và các văn bản định hướng phát triển kinh tế-xã hội.

- Ưu tiên các mục tiêu đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các nhóm xã hội, giữa những lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài, phù hợp với các giai đoạn phát triển 2021-2025, 2026-2030 và các dự báo về dân số, kinh tế, môi trường và xã hội.

- Ưu tiên các mục tiêu có tính khả thi cao; có khả năng huy động nguồn lực tài chính; có thể tạo ra tác động lan tỏa, tạo ra sự tiến bộ để đạt được cùng lúc nhiều mục tiêu.

- Ưu tiên các mục tiêu liên quan đến các vấn đề mang tính “xuyên suốt” như trẻ em, bình đẳng giới nhằm nâng cao hiệu quả bố trí, sử dụng nguồn lực và duy trì tác động bền vững của các kết quả đạt được.

Phụ đính III, IV ban hành kèm theo minh họa Các mục tiêu PTBV và Chỉ tiêu tương ứng liên quan đến trẻ em và phụ nữ có thể tham khảo để lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

Việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH phải được thực hiện tuân tự từ khâu xác định mục tiêu, cho đến khâu xây dựng các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể của Kế hoạch phát triển KT-XH, trong đó:

- + Các nội dung trong mục quan điểm và mục tiêu tổng quát của KHHĐQG 2030 phải được coi là cơ sở tham chiếu để xác định mục tiêu tổng quát trong Kế hoạch phát triển KT-XH của ngành và địa phương.

- + Các mục tiêu PTBV được lựa chọn, Lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV của Việt Nam đến năm 2030 (ban hành tại Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ) và Bộ chỉ tiêu PTBV của Việt Nam (ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là cơ sở tham chiếu để xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch phát triển KT-XH của bộ, ngành và địa phương.

Kết quả cuối cùng của bước này là Bảng tổng hợp danh mục Các mục tiêu PTBV đã được chọn lọc, phân tích kỹ lưỡng và đạt được sự đồng thuận của các bên liên quan, sẵn sàng cho việc lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

**Bảng tổng hợp danh mục Các mục tiêu PTBV lồng ghép vào
Kế hoạch phát triển KT-XH**

Các lĩnh vực	Mục tiêu/chỉ tiêu/nhiệm vụ/giải pháp được thể hiện Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn trước	Kiến nghị Các mục tiêu PTBV/chỉ tiêu PTBV cần lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH tiếp theo	Các mục tiêu/chỉ tiêu/nhiệm vụ/giải pháp trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn tiếp theo sau khi đã thống nhất lồng ghép Các mục tiêu PTBV
Về kinh tế			
Về xã hội			
Về môi trường			

d. Bước 4. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH

Theo KHHDQG 2030, nguồn kinh phí để thực hiện Các mục tiêu PTBV bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn vốn nước ngoài. Trong đó, kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Các mục tiêu PTBV được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các bộ, ngành và địa phương và được lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác có liên quan.

Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, các bộ, ngành và địa phương cần chủ động và sáng tạo trong việc tìm kiếm các nguồn lực bổ sung để thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép trong Kế hoạch phát triển KT-XH, đặc biệt là trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo và bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường tại các vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa, nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống.

Cần thiết kế và áp dụng các chính sách xã hội hóa một số loại dịch vụ công nhằm huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân để nâng cao mức độ tiếp cận đối với các dịch vụ công thiết yếu, trong đó có dịch vụ giáo dục và y tế.

Tăng cường tìm kiếm các nguồn lực quốc tế (tài chính, công nghệ, năng lực thực thi...) như nguồn tài chính hỗ trợ chống biến đổi khí hậu trong khuôn khổ

Công ước khung về Chống Biến đổi Khí hậu của Liên hiệp quốc, các nguồn hỗ trợ giảm thiểu rủi ro thiên tai trong khuôn khổ hiệp định khung Sandai, Quỹ Khí hậu xanh...

e. Bước 5. Giám sát và đánh giá việc thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH

Hoạt động này được tiến hành hằng năm đồng thời với quá trình xây dựng Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH theo năm kế hoạch và xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH cho năm tiếp theo cho kỳ Kế hoạch 5 năm.

Mục đích của hoạt động này là thu thập, cập nhật số liệu, thông tin về tình hình thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép để đo lường kết quả đạt được, xác định các rào cản, hạn chế, chỉ rõ các mục tiêu nào chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt và đề xuất các điều chỉnh, bổ sung nhằm thúc đẩy việc thực hiện Các mục tiêu PTBV trong năm kế hoạch tiếp theo của kỳ Kế hoạch 5 năm.

Các hoạt động cần thực hiện:

(i) Xác định các chỉ tiêu PTBV (căn cứ vào Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) dựa trên hệ thống Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép trong Kế hoạch phát triển KT-XH, có sự chọn lọc phù hợp với tình hình thực tế và trình độ giám sát và đánh giá của bộ, ngành, địa phương.

(ii) Thu thập dữ liệu và tiến hành phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép.

Các bộ, ngành và địa phương tham khảo **Phụ đính V** ban hành kèm theo để đề xuất các nội dung đánh giá phù hợp.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn, hỗ trợ các bộ, ngành và địa phương trong việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo về việc lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH của bộ, ngành và địa phương.

Tổng hợp nội dung lồng ghép Các mục tiêu PTBV từ Kế hoạch phát triển KT-XH của các bộ, ngành và địa phương để phục vụ xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH của cả nước.

3.2. Trách nhiệm của các bộ, ngành và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Cử đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động thực hiện lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH.

Thực hiện lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH theo quy trình được nêu ở Mục 2.2, phù hợp với điều kiện đặc thù của các bộ, ngành và địa phương. Trong quá trình triển khai thực hiện cần nghiên cứu kỹ các nội dung của KHHĐQG 2030 và Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của bộ, ngành, địa phương mình để xác định và lồng ghép Các mục tiêu PTBV phù hợp nhằm đảm bảo cho Kế hoạch phát triển KT-XH của bộ, ngành, địa phương thể hiện đầy đủ nhất các nội dung của KHHĐQG 2030.

Ưu tiên bố trí nguồn vốn trong dự toán hàng năm để thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép vào Kế hoạch phát triển KT-XH theo các quy định hiện hành. Chú trọng bổ sung các chương trình, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật về kinh tế, xã hội, môi trường tác động trực tiếp đến việc thực hiện Các mục tiêu PTBV ở các địa bàn còn thiếu thốn, khó khăn và cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương và thiệt thòi. Dành cơ chế ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước trong đầu tư phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

Lựa chọn áp dụng các cơ chế thu hút sự tham gia của các bên liên quan (như cung cấp các thông tin khách quan và tin cậy cho công chúng; thực hiện tham vấn, thu hút các ý kiến phản hồi; thu hút sự tham gia trực tiếp; thiết lập quan hệ hợp tác/đối tác với các bên liên quan, v.v.) vào tất cả các bước của quá trình lồng ghép; tích hợp các ý kiến đóng góp của các bên liên quan vào quá trình ra quyết định.

Huy động sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước, các tổ chức khoa học, các doanh nghiệp, đối tác phát triển vào quá trình lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH, nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường sự đồng thuận và đóng góp vào việc thực hiện thành công Các mục tiêu PTBV.

3.3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí để thực hiện nhiệm vụ lồng ghép Các mục tiêu PTBV vào Kế hoạch phát triển KT-XH được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các bộ, ngành và địa phương theo quy định ngân sách nhà nước hiện hành và huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có).



Nguyễn Chí Dũng

Phụ đính I

CÁC NỘI DUNG THAM KHẢO ĐỂ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PTBV TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN TRƯỚC

(Đính kèm Hướng dẫn Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 của Bộ, ngành và địa phương)

1) Rà soát, đánh giá chính sách có liên quan

- + Rà soát các chính sách có liên quan tới mục tiêu đánh giá.
- + Xác định những bất cập của các chính sách (nếu có).
- + Đề xuất việc hoàn thiện chính sách nhằm đạt được các mục tiêu PTBV cho kỳ Kế hoạch tiếp theo.

2) Những kết quả chính trong thực hiện Các mục tiêu PTBV

- + Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện Các mục tiêu PTBV

Đánh giá kết quả thực hiện Các mục tiêu PTBV và so sánh, đối chiếu với mục tiêu đặt ra của Kế hoạch giai đoạn trước.

Đối với bộ, ngành, việc lựa chọn các chỉ tiêu để đánh giá căn cứ theo Lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV của Việt Nam đến năm 2030 ban hành tại Quyết định 681/QĐ-TTg ngày 4/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Bộ chỉ tiêu thống kê PTBV của Việt Nam ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Kế hoạch hành động của bộ, ngành thực hiện Chương trình nghị sự 2030.

Đối với các địa phương, việc lựa chọn các chỉ tiêu để đánh giá căn cứ theo Bộ chỉ tiêu thống kê PTBV của Việt Nam ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT, Kế hoạch hành động của địa phương thực hiện Chương trình nghị sự 2030 và Lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV của địa phương (nếu có).

- + Xác định những khó khăn, thách thức hạn chế, bất cập trong thực hiện Các mục tiêu PTBV.

- + Tổng kết những bài học kinh nghiệm trong thực hiện Các mục tiêu PTBV trong Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn trước.

3) Những đề xuất, kiến nghị nhằm đạt được Các mục tiêu PTBV cho Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn tiếp theo

- + Đề xuất Các mục tiêu PTBV lồng ghép cho kỳ Kế hoạch tiếp theo
- + Đề xuất, kiến nghị về thể chế, chính sách
- + Đề xuất, kiến nghị về nguồn lực thực hiện Các mục tiêu PTBV
- + Đề xuất, kiến nghị về cơ chế phối hợp thực hiện Các mục tiêu PTBV
- + Những đề xuất, kiến nghị khác.

Phụ đính II

CÁCH THỨC RÀ SOÁT, ĐỐI CHIẾU GIỮA CÁC MỤC TIÊU PTBV VÀ CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH GIAI ĐOẠN TRƯỚC

(Đính kèm Hướng dẫn Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 của Bộ, ngành và địa phương)

Việc rà soát, đối chiếu được thực hiện nhằm: (i) Nhận diện các mục tiêu PTBV đã được phản ánh trong Kế hoạch phát triển KT-XH (*Đã phản ánh*); (ii) Nhận diện các mục tiêu PTBV chưa được phản ánh trong Kế hoạch phát triển KT-XH (*Chưa phản ánh*).

Để làm được việc này, một bảng chấm điểm với 2 mức điểm thể hiện 2 mức độ tương thích khác nhau: (1) = Đã phản ánh, (2) = Chưa phản ánh. Công cụ thường được sử dụng cho việc so sánh, đối chiếu này là một bảng kê với một cột dọc liệt kê tất cả 17 mục tiêu PTBV và 115 mục tiêu cụ thể; cột liền kề tiếp theo liệt kê các nội dung của Kế hoạch phát triển KT-XH; và cột cuối cùng để ghi nhận các kết quả chấm điểm. Để đảm bảo tính toàn diện và khách quan, Bảng kê này sau đó cần được đưa ra thảo luận và góp ý của các bên liên quan.

Bảng 1. Khung so sánh Các mục tiêu PTBV với các mục tiêu/chỉ tiêu/nhiệm vụ/giải pháp trong Kế hoạch phát triển KT- XH của bộ, ngành và địa phương

STT	Các mục tiêu PTBV	Các mục tiêu/chỉ tiêu/ nhiệm vụ/giải pháp trong Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội	Mức độ phản ánh	
			Đã phản ánh	Chưa phản ánh

Bảng 2. Ví dụ kết quả rà soát, đối chiếu giữa Mục tiêu PTBV “Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi” với các nội dung liên quan trong Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020 (ban hành tại Nghị quyết số 142/2016/QH13)

STT	Các Mục tiêu PTBV	Các mục tiêu/chỉ tiêu/nhiệm vụ/giải pháp trong Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016-2020	Mức độ phản ánh	
			Đã phản ánh	Chưa phản ánh

1.	Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi			
1.1	Mục tiêu 1.1: Đến năm 2020, xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực cho tất cả mọi người ở mọi nơi, sử dụng chuẩn nghèo với mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 1,25 đô la Mỹ sức mua tương đương (giá 2005)/ngày; đến năm 2030, giảm ít nhất một nửa tỷ lệ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các chính sách, giải pháp đồng bộ đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo • Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0-1,5%/năm • Các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016-2020 	1	
1.2	Mục tiêu 1.2: Triển khai trên toàn quốc các hệ thống và các biện pháp an sinh xã hội thích hợp cho mọi người, bao gồm cả các chính sách sản an sinh xã hội và đến năm 2030 đạt được diện bao phủ đáng kể cho người nghèo và những người dễ bị tổn thương	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện tốt các chính sách việc làm, bảo hiểm thất nghiệp. Bảo đảm mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống người có công • Mở rộng đối tượng tham gia, nâng cao hiệu quả của hệ thống, đổi mới cơ chế tài chính, bảo đảm phát triển bền vững quỹ bảo hiểm xã hội • Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo • Phân đầu đến năm 2020, có 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội • Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số 	1	
1.3	Mục tiêu 1.3: Đến năm 2030, bảo đảm tất cả mọi người, đặc biệt những người nghèo và người dễ bị tổn thương, có quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp			2

	cận các dịch vụ cơ bản, quyền sử dụng đất đai và tài nguyên thiên nhiên, quyền sở hữu và kiểm soát các dạng tài sản khác, công nghệ mới phù hợp và các dịch vụ tài chính, bao gồm tài chính vi mô			
1.4	Mục tiêu 1.4: Đến năm 2030, tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi cho người nghèo và những người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đồng thời giảm rủi ro và tổn thương của họ do các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, các cú sốc và thảm họa về môi trường, kinh tế, xã hội	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện các chính sách, giải pháp đồng bộ đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo • Phổ cập đến toàn dân về các phương án ứng phó và thích nghi từng cấp độ của quá trình tác động biến đổi khí hậu 	1	



Phụ đính III

CÁC MỤC TIÊU PTBV, CHỈ TIÊU PTBV LIÊN QUAN ĐẾN TRẺ EM CÓ THỂ XEM XÉT, LỰA CHỌN ĐỂ LỒNG GHÉP VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH¹

(Đính kèm Hướng dẫn Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào
Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030
của Bộ, ngành và địa phương)

Mục tiêu chung (1)	Mục tiêu cụ thể (2)	Chỉ tiêu tương ứng (3)
Mục tiêu 1: Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi	Mục tiêu 1.1: Đến năm 2020, xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực cho tất cả mọi người ở mọi nơi, sử dụng chuẩn nghèo với mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 1,25 đô la Mỹ sức mua tương đương (giá 2005)/ngày; đến năm 2030, giảm ít nhất một nửa tỷ lệ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của quốc gia	Chỉ tiêu 1.1.3. Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều
Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Mục tiêu 2.2: Đến năm 2030 giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi	Chỉ tiêu 2.2.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng
Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi	Mục tiêu 3.1: Đến năm 2030, giảm tỷ số tử vong mẹ xuống dưới 45/100000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 10 ca trên 1000 trẻ đẻ sống và tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 15 ca trên 1000 trẻ đẻ sống	Chỉ tiêu 3.1.3. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi Chỉ tiêu 3.1.4. Tỷ suất chết sơ sinh Chỉ tiêu 3.1.5. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi
	Mục tiêu 3.7: Đạt được bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân, bao gồm bảo vệ rủi ro tài chính, tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thuốc và vắc xin thiết yếu, an toàn, hiệu quả,	Chỉ tiêu 3.7.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin

¹ Chú thích: cột (1) và (2) được trích xuất từ Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện CTNS 2030 vì sự phát triển bền vững ban hành tại Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và cột (3) được trích xuất từ Bộ chỉ tiêu PTBV của Việt Nam ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

	chất lượng, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người	
Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người	Mục tiêu 4.1: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng	Chỉ tiêu 4.1.1. Tỷ lệ học sinh đi học cấp tiểu học Chỉ tiêu 4.1.2. Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học Chỉ tiêu 4.1.3. Tỷ lệ học sinh đi học cấp trung học cơ sở Chỉ tiêu 4.1.4. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp trung học cơ sở; Tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở
	Mục tiêu 4.2: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học	Chỉ tiêu 4.2.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội Chỉ tiêu 4.2.2. Tỷ lệ huy động trẻ em từ 5 tuổi đi học mẫu giáo
	Mục tiêu 4.7: Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả những người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững	Chỉ tiêu 4.7.2. Tỷ lệ trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại; cung cấp kiến thức về HIV
	Mục tiêu 4.8: Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới và cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người	Chỉ tiêu 4.8.1. Tỷ lệ các trường học có: (a) Điện; (b) Internet dùng cho mục đích học tập; (c) Máy tính dùng cho mục đích học tập; (d) Cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật; (e) Nước uống; (f) Hệ thống vệ sinh tiện lợi và riêng rẽ cho từng giới tính; (g) Chỗ rửa tay thuận tiện
Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái	Mục tiêu 5.1: Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi	Chỉ tiêu 5.1.1. Tỷ số giới tính khi sinh
	Mục tiêu 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác	Chỉ tiêu 5.2.3. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được phát hiện và tư vấn
	Mục tiêu 5.3: Hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm và hôn nhân ép buộc	Chỉ tiêu 5.3.2. Số cuộc tảo hôn

Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người	Mục tiêu 8.7: Thực hiện kịp thời và hiệu quả các biện pháp để xóa bỏ lao động ép buộc, chấm dứt nạn buôn người và nô lệ hiện đại; ngăn chặn và xóa bỏ lao động trẻ em dưới mọi hình thức	Chỉ tiêu 8.7.1. Tỷ lệ người từ 5-17 tuổi tham gia lao động trẻ em
Mục tiêu 16: Thúc đẩy xã hội hòa bình, công bằng, bình đẳng vì phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp	Mục tiêu 16.2: Phòng ngừa và giảm đáng kể tình trạng xâm hại, bóc lột, mua bán và tất cả các hình thức bạo lực và tra tấn trẻ em và người chưa thành niên	Chỉ tiêu 16.2.1. Tỷ lệ người dưới 18 tuổi đã từng bị người chăm sóc, nuôi dưỡng xử phạt về thể chất hoặc xử phạt về tinh thần trong tháng qua
	Mục tiêu 16.8: Đến năm 2030, cấp nhận dạng pháp lý cho tất cả mọi người, gồm cả đăng ký khai sinh	Chỉ tiêu 16.8.1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đã được đăng ký khai sinh



Phụ đính IV
CÁC MỤC TIÊU PTBV, CHỈ TIÊU PTBV LIÊN QUAN ĐẾN PHỤ NỮ
CÓ THỂ XEM XÉT, LỰA CHỌN ĐỂ LỒNG GHÉP VÀO
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH²

(Đính kèm Hướng dẫn Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào
 Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030
 của Bộ, ngành và địa phương)

Mục tiêu chung (1)	Mục tiêu cụ thể (2)	Chỉ tiêu tương ứng (3)
Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững	Mục tiêu 2.2: Đến năm 2030 giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi	
Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi	Mục tiêu 3.1: Đến năm 2030, giảm tỷ số tử vong mẹ xuống dưới 45/100000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 10 ca trên 1000 trẻ đẻ sống và tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 15 ca trên 1000 trẻ đẻ sống	Chỉ tiêu 3.1.1. Tỷ số tử vong mẹ trên một trăm nghìn trẻ đẻ sống Chỉ tiêu 3.1.2. Tỷ lệ ca sinh được nhân viên y tế có kỹ năng đỡ
	Mục tiêu 3.6: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận toàn dân tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục, bao gồm kế hoạch hóa gia đình, truyền thông và giáo dục; lồng ghép sức khỏe sinh sản vào các chiến lược, chương trình quốc gia có liên quan	Chỉ tiêu 3.6.2. Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi có nhu cầu tránh thai đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại
Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái	Mục tiêu 5.1: Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi	Chỉ tiêu 5.1.1. Tỷ số giới tính khi sinh
	Mục tiêu 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác	Chỉ tiêu 5.2.3. Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được phát hiện và tư vấn

² Chú thích: cột (1) và (2) được trích xuất từ Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện CTNS 2030 vì sự phát triển bền vững ban hành tại Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và cột (3) được trích xuất từ Bộ chỉ tiêu PTBV của Việt Nam ban hành tại Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/1/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

	Mục tiêu 5.3: Hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm và hôn nhân ép buộc	Chỉ tiêu 5.3.2. Số cuộc tảo hôn
	Mục tiêu 5.4: Bảo đảm bình đẳng trong việc nội trợ và chăm sóc gia đình; công nhận việc nội trợ và các chăm sóc không được trả phí; tăng cường các dịch vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và các chính sách bảo trợ xã hội, các dịch vụ hỗ trợ gia đình, chăm sóc trẻ em	Chỉ tiêu 5.4.1. Tỷ lệ thời gian làm công việc nội trợ và chăm sóc gia đình không được trả công
	Mục tiêu 5.5: Đảm bảo sự tham gia đầy đủ, hiệu quả và cơ hội bình đẳng tham gia lãnh đạo của phụ nữ ở tất cả các cấp hoạch định chính sách trong đời sống chính trị, kinh tế và xã hội	Chỉ tiêu 5.5.1. Tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội Chỉ tiêu 5.5.2. Tỷ lệ nữ đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chính quyền Chỉ tiêu 5.5.3. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng Chỉ tiêu 5.5.4. Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân Chỉ tiêu 5.5.5. Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã Chỉ tiêu 5.5.6. Tỷ lệ nữ chủ trang trại
	Mục tiêu 5.6: Bảo đảm tiếp cận phổ cập đối với sức khỏe sinh sản và tình dục, quyền sinh sản như được thống nhất trong Chương trình Hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh và các văn kiện về kết quả của các hội nghị đánh giá việc thực hiện Chương trình và Cương lĩnh này	Chỉ tiêu 5.6.1. Tỷ lệ phụ nữ từ 15-49 tuổi tự quyết định về quan hệ tình dục, sử dụng biện pháp tránh thai và chăm sóc sức khỏe sinh sản
	Mục tiêu 5.7: Đảm bảo tất cả phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số có quyền bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, được tiếp cận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu các tài sản khác, các dịch vụ tài chính, quyền thừa kế và tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với pháp luật quốc gia	Chỉ tiêu 5.7.1. Tỷ lệ hộ sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất sản xuất nông nghiệp
	Mục tiêu 5.8: Nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông	Chỉ tiêu 5.8.1. Tỷ lệ người sử dụng điện thoại di động

Phụ đính V

CÁC NỘI DUNG THAM KHẢO ĐỂ PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PTBV ĐÃ ĐƯỢC LỒNG GHÉP VÀO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH

*(Đính kèm Hướng dẫn Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào
Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, 2026-2030
của Bộ, ngành và địa phương)*

1) Những kết quả chính trong thực hiện Các mục tiêu PTBV

+ Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu PTBV

Đánh giá kết quả thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép và so sánh, đối chiếu với mục tiêu đặt ra.

+ Xác định những khó khăn, thách thức hạn chế, bất cập trong thực hiện mục tiêu.

2) Dự báo khả năng thực hiện Các mục tiêu PTBV trong năm Kế hoạch tiếp theo

3) Đề xuất, kiến nghị cho năm Kế hoạch tiếp theo

+ Đề xuất các điều chỉnh, bổ sung về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong Kế hoạch phát triển KT-XH năm tiếp theo nhằm thúc đẩy việc thực hiện Các mục tiêu PTBV đã được lồng ghép.

+ Đề xuất, kiến nghị khác (nếu có) 